

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023**



Tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 9 - 22 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Vũ Thắng Bình | Chủ tịch |
| Ông Đào Văn Dũng | Phó Chủ tịch |
| Ông Đoàn Văn Cường | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Thành viên |
| Ông Hồ Văn Tuấn | Thành viên |

Ban kiểm soát

| | |
|-------------------|------------|
| Ông Cao Văn Cấn | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Thành viên |
| Ông Bùi Văn Quang | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|--------------------|--------------|
| Ông Đào Văn Dũng | Giám đốc |
| Ông Đoàn Văn Cường | Phó Giám đốc |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng

Giám đốc

Ngày 13 tháng 09 năm 2023

Số: 091304/2023/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 09 năm 2023, từ trang 5 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã phản ánh không trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo hợp nhất giữa niên độ và kỳ kế toán. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chỉ còn mỏ Hang Trai 2 (Công ty CP Đức Chung Thái Nguyên) được cấp phép khai thác, các mỏ còn lại đã hết trữ lượng khai thác. Do vậy, sản lượng khai thác 6 tháng đầu năm giảm, dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất kỳ này của Công ty chỉ còn 5.746.806.500 đồng, tương ứng giảm 56,06% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 là âm 2.182.036.107 đồng. Ngoài ra, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất bị âm 208.184.566 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào tính hiệu quả trong việc thực thi các biện pháp nhằm tăng sản lượng khai thác tại mỏ Hang Trai 2 cũng như tăng doanh thu bán hàng tại Công ty CP Đức Chung Thái Nguyên.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 14.612.216.015 | 11.596.045.727 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.502.657.522 | 5.041.493.387 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.502.657.522 | 1.541.493.387 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.000.000.000 | 3.500.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 4.500.000.000 | 4.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 4.500.000.000 | 4.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 4.558.778.102 | 556.023.789 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 1.716.878.862 | 1.950.350.412 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 40.000.000 | 37.800.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 4.354.858.740 | 120.832.877 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (1.552.959.500) | (1.552.959.500) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 128.585.811 | 644.567.206 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 128.585.811 | 644.567.206 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 922.194.580 | 1.353.961.345 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 35.544.818 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 212.541.790 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.9a | 674.107.972 | 1.353.961.345 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 37.670.882.975 | 42.094.565.751 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 10.276.031.777 | 14.071.547.360 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 10.276.031.777 | 14.071.547.360 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 5.873.476.853 | 6.756.325.605 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.6 | 5.873.476.853 | 6.756.325.605 |
| - Nguyên giá | 222 | | 24.038.664.529 | 24.038.664.529 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (18.165.187.676) | (17.282.338.924) |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 21.521.374.345 | 21.266.692.786 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 14.822.208.344 | 13.914.797.979 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | (5.012.849) | (1.075.544) |
| 3. Lợi thế thương mại | 269 | V.8 | 6.704.178.850 | 7.352.970.351 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 52.283.098.990 | 53.690.611.478 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 14.542.957.557 | 13.718.433.938 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 13.938.920.218 | 13.237.653.913 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 957.841.412 | 202.538.894 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.10 | 1.574.470.112 | 21.817.112 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.9b | 1.037.825.261 | 311.522.742 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 197.147.816 | 275.880.821 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 96.367.249 | 80.515.182 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 17.784.123 | 26.753.523 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.11 | 9.966.484.011 | 12.214.212.457 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 91.000.234 | 104.413.182 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 604.037.339 | 480.780.025 |
| 1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 453.400.000 | 435.800.000 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.11 | 150.637.339 | 44.980.025 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 37.740.141.433 | 39.972.177.540 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.12 | 37.740.141.433 | 39.972.177.540 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 32.628.180.000 | 32.628.180.000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 5.110.978.983 | 7.343.006.552 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 7.293.006.552 | 9.754.439.140 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (2.182.027.569) | (2.411.432.588) |
| 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 982.450 | 990.988 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 52.283.098.990 | 53.690.611.478 |

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 09 năm 2023

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng

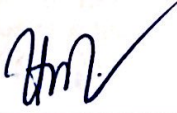


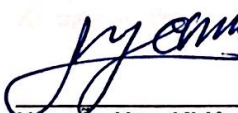
Đào Văn Dũng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 5.746.806.500 | 10.251.886.500 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 5.746.806.500 | 10.251.886.500 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 4.646.640.240 | 9.356.946.095 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 1.100.166.260 | 894.940.405 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 420.939.766 | 302.758.277 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4a | 4.772.721 | 264.911.498 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4b | 3.256.370.867 | 2.002.346.072 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (1.740.037.562) | (1.069.558.888) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 148.666.050 | 384.118.855 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 569.127.290 | 4.981.144 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (420.461.240) | 379.137.711 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (2.160.498.802) | (690.421.177) |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.5 | - | 3.925.182 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.5 | 21.537.305 | (36.203.869) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (2.182.036.107) | (658.142.490) |
| - Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty | 61 | | (2.182.027.569) | (658.157.815) |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (8.538) | 15.325 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.6 | (669) | (202) |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.6 | (669) | (202) |


Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 09 năm 2023


Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng




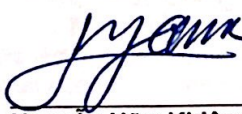
Đào Văn Dũng
Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|-----------------|-----------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | (2.160.498.802) | (690.421.177) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 882.848.752 | 980.882.143 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (299.046.718) | (752.009.772) |
| (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (420.939.766) | (678.809.232) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (1.997.636.534) | (1.140.358.038) |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | 1.164.392.724 | 2.633.907.370 |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | 515.981.395 | 880.606.057 |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả | 11 | 1.115.445.980 | 737.969.473 |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | (942.955.183) | (401.070.513) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (63.412.948) | (195.670.802) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (208.184.566) | 2.515.383.547 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | 625.713.199 |
| 2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (4.000.000.000) | (4.000.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 3.500.000.000 | - |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 169.348.701 | 89.258.323 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (330.651.299) | (3.285.028.478) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (538.835.865) | (769.644.931) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5.041.493.387 | 7.956.313.720 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 4.502.657.522 | 7.186.668.789 |


Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 09 năm 2023


Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng


Đản Văn Dũng
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1977 được đổi tên là Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000075 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019, mã số thuế 0800282498.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023 là 32.628.180.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu chế biến Bauxits;
- Khai thác cát đất đồi;
- Sửa chữa cơ khí - điện; và
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên có trụ sở chính tại Xóm Làng Mới 1, Xã Tân Long, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Thuyết minh về giả định hoạt động liên tục

Đến thời điểm hiện tại, Công ty chỉ còn mỏ Hang Trai 2 (Công ty CP Đức Chung Thái Nguyên) được cấp phép khai thác, các mỏ còn lại đã hết trữ lượng khai thác. Do vậy, sản lượng khai thác 6 tháng đầu năm giảm, dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất kỳ này của Công ty chỉ còn 5.746.806.500 đồng, tương ứng giảm 56,06% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 là âm 2.182.036.107 đồng. Ngoài ra, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất bị âm 208.184.566 đồng.

Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện triển khai một số biện pháp nhằm tăng sản lượng khai thác tại mỏ Hang Trai 2 cũng như tăng doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Đức Chung như: đầu tư thêm tài sản cố định, thay đổi chính sách bán hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ.... Ban lãnh đạo Công ty cũng đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại (Tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được Công ty phân bổ theo thời gian khai thác mỏ căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản và có điều chỉnh theo Thông báo của cơ quan thuế hằng năm.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến việc giải phóng mặt bằng của diện tích đất thuê trả tiền hàng năm tại xã Tân Long, huyện Đông Hải, tỉnh Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường. Công ty thực hiện phân bổ theo thời gian khai thác mỏ căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc thiết bị | 04 - 16 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 14 |

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn, Bắc Tân Sơn và Hang Trai 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu kỳ VND |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 181.864.221 | 92.486.598 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.320.793.301 | 1.449.006.789 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 3.000.000.000 | 3.500.000.000 |
| Cộng | 4.502.657.522 | 5.041.493.387 |

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch với kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

| | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | |
|------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Cộng | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi dài hạn tại các Ngân hàng, cụ thể:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch theo Hợp đồng tiền gửi số: 02/2023/2282773/HĐTG từ ngày 15/06/2023 đến ngày 15/12/2023 với số tiền là 2.000.000.000 đồng; kỳ hạn 06 tháng; lãi suất 5,4%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn online tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương từ ngày 07/04/2023 đến ngày 07/04/2024 với số tiền là 2.500.000.000 đồng; kỳ hạn 12 tháng; lãi suất 6,0%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu kỳ VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Đức Thành | 282.248.000 | 282.248.000 |
| Công ty TNHH Sơn Thịnh | 305.471.000 | 305.471.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Phong Sơn | 94.085.750 | 30.565.750 |
| Các khách hàng khác | 1.035.074.112 | 562.268.662 |
| Cộng | 1.716.878.862 | 1.950.350.412 |

4. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu kỳ VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a. Phải thu ngắn hạn khác | | |
| Tạm ứng | 10.000.000 | 100.000.000 |
| Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*) | 4.093.074.881 | - |
| Phải thu khác | 251.783.859 | 20.832.877 |
| Cộng | 4.354.858.740 | 120.832.877 |
| b. Phải thu dài hạn khác | | |
| Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*) | 10.276.031.777 | 14.071.547.360 |
| Cộng | 10.276.031.777 | 14.071.547.360 |

(*) Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn, Bắc Tân Sơn và Hang Trai 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,
Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

MẪU SỐ B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. NỢ XẤU

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu kỳ | | |
|---------------------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Công ty TNHH Sơn Thịnh | 305.471.000 | - | 305.471.000 | 305.471.000 | - | 305.471.000 |
| Công ty TNHH Đức Thành | 282.248.000 | - | 282.248.000 | 282.248.000 | - | 282.248.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh | 181.051.800 | - | 181.051.800 | 181.051.800 | - | 181.051.800 |
| Công ty TNHH Ánh Dương | 163.061.700 | - | 163.061.700 | 163.061.700 | - | 163.061.700 |
| Các khoản khác | 621.127.000 | - | 621.127.000 | 621.127.000 | - | 621.127.000 |
| Cộng | 1.552.959.500 | - | 1.552.959.500 | 1.552.959.500 | - | 1.552.959.500 |

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|------------------------|---------------------------------|----------------------------|--|------------------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 6.321.313.375 | 16.475.125.504 | 1.162.735.650 | 79.490.000 | 24.038.664.529 |
| Số dư cuối kỳ | 6.321.313.375 | 16.475.125.504 | 1.162.735.650 | 79.490.000 | 24.038.664.529 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 5.380.785.024 | 10.659.328.250 | 1.162.735.650 | 79.490.000 | 17.282.338.924 |
| Khấu hao trong kỳ | 51.059.961 | 831.788.791 | - | - | 882.848.752 |
| Số dư cuối kỳ | 5.431.844.985 | 11.491.117.041 | 1.162.735.650 | 79.490.000 | 18.165.187.676 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | 940.528.351 | 5.815.797.254 | - | - | 6.756.325.605 |
| Tại ngày cuối kỳ | 889.468.390 | 4.984.008.463 | - | - | 5.873.476.853 |

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 với giá trị là 9.601.735.486 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.117.692.702 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu kỳ VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 35.544.818 | - |
| Cộng | 35.544.818 | - |
| b. Dài hạn | | |
| Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (i) | 6.891.572.127 | 8.098.184.862 |
| Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản | 7.930.636.217 | 5.816.613.117 |
| Cộng | 14.822.208.344 | 13.914.797.979 |

(i) Bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 38.096,9 m² đất tại xã Tân Long, huyện Đông Hồ, tỉnh Thái Nguyên để phục vụ Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá với Hang Trai 2; trong đó có 30.592,5 m² chưa thực hiện xong thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng.

8. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | VND |
|--------------------------|----------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm trước | 12.975.830.030 |
| Số dư đầu kỳ này | 12.975.830.030 |
| Số dư cuối kỳ này | 12.975.830.030 |
| Hao mòn | |
| Số dư đầu năm trước | 4.325.276.677 |
| Khấu hao trong năm trước | 1.297.583.003 |
| Số dư đầu kỳ này | 5.622.859.680 |
| Khấu hao trong kỳ này | 648.791.500 |
| Số dư cuối kỳ này | 6.271.651.180 |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày đầu kỳ | 7.352.970.351 |
| Tại ngày cuối kỳ | 6.704.178.850 |

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

| | Số cuối kỳ VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ VND | Số đầu kỳ VND |
|---|----------------------|--------------------------------|--|----------------------|
| a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 672.496.722 | - | - | 672.496.722 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.611.250 | 6.200.000 | - | 7.811.250 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | 811.234.262 | 137.580.889 | 673.653.373 |
| Cộng | 674.107.972 | 817.434.262 | 137.580.889 | 1.353.961.345 |
| b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 195.199.494 | 589.546.350 | 651.793.598 | 257.446.742 |
| Thuế tài nguyên | 28.602.000 | 299.425.000 | 313.377.600 | 42.554.600 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 35.544.817 | 49.762.744 | 14.217.927 | - |
| Thuế bảo vệ môi trường | 26.330.050 | 26.330.050 | - | - |
| Phí, lệ phí khác | 752.148.900 | 1.938.607.275 | 1.197.979.775 | 11.521.400 |
| Cộng | 1.037.825.261 | 2.903.671.419 | 2.177.368.900 | 311.522.742 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu kỳ VND |
|----------------------------------|----------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Mạnh Hải Dương | 319.050.000 | - |
| Công ty TNHH Hải Hậu Thái Nguyên | 1.233.603.000 | - |
| Khách hàng khác | 21.817.112 | 21.817.112 |
| Cộng | 1.574.470.112 | 21.817.112 |

11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

| | Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*) VND | Tổng VND |
|------------------------------------|--|--------------------------|
| Số dư đầu kỳ | 12.259.192.482 | 12.259.192.482 |
| Trích bổ sung/(hoàn nhập) dự phòng | 148.409.379 | 148.409.379 |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng | 2.290.480.511 | 2.290.480.511 |
| Số dư cuối kỳ | 10.117.121.350 | 10.117.121.350 |
| | Số cuối kỳ VND | Số đầu kỳ VND |
| Chi tiết: | | |
| Nợ ngắn hạn | 9.966.484.011 | 12.214.212.457 |
| Nợ dài hạn | 150.637.339 | 44.980.025 |
| Cộng | 10.117.121.350 | 12.259.192.482 |

(*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ngắn hạn cuối kỳ bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Dâu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn, Bắc Tân Sơn và Hang Trai 2.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND | Tổng cộng VND |
|------------------------------------|----------------------------------|--|--|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 32.628.180.000 | 10.004.439.139 | 1.034.420 | 42.633.653.559 |
| Lãi/lỗ trong năm | - | (2.411.432.587) | (43.432) | (2.411.476.019) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | (250.000.000) | - | (250.000.000) |
| Số dư đầu kỳ này | 32.628.180.000 | 7.343.006.552 | 990.988 | 39.972.177.540 |
| Lãi/lỗ trong kỳ | - | (2.182.027.569) | (8.538) | (2.182.036.107) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | - | (50.000.000) | - | (50.000.000) |
| Số dư cuối kỳ này | 32.628.180.000 | 5.110.978.983 | 982.450 | 37.740.141.433 |

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán là 7.343.006.552 đồng. Công ty trích quỹ khen thưởng - phúc lợi 50.000.000 đồng để chi quà cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ Cổ phiếu | Số đầu kỳ Cổ phiếu |
|--|------------------------|-----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.262.818 | 3.262.818 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.262.818 | 3.262.818 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.262.818 | 3.262.818 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.262.818 | 3.262.818 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán đá thô | 280.220.000 | 576.080.000 |
| Doanh thu bán đá chế biến | 5.466.586.500 | 9.675.806.500 |
| Doanh thu thuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 5.746.806.500 | 10.251.886.500 |

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Giá vốn đá thô | 250.819.181 | 637.029.215 |
| Giá vốn đá chế biến | 4.395.821.059 | 8.719.916.880 |
| Cộng | 4.646.640.240 | 9.356.946.095 |

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, ký quỹ | 420.939.766 | 302.758.277 |
| Cộng | 420.939.766 | 302.758.277 |

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| a. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí thuê máy móc, thiết bị, vận chuyển bốc xếp | 4.772.721 | 264.911.498 |
| Cộng | 4.772.721 | 264.911.498 |
| b. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.235.992.129 | 1.320.084.193 |
| Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng | 29.410.737 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 142.999.019 | 29.619.600 |
| Thuế, phí và lệ phí | 616.807.950 | 595.241.964 |
| Trích lập (Hoàn nhập) chi phí dự phòng | 148.409.379 | (903.452.820) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 59.378.072 | 52.287.288 |
| Chi phí bằng tiền khác | 374.582.080 | 259.774.346 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 648.791.501 | 648.791.501 |
| Cộng | 3.256.370.867 | 2.002.346.072 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---|-------------------|---------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | 3.925.182 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành | - | 3.925.182 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | 3.925.182 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 21.537.305 | (36.203.869) |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 21.537.305 | (36.203.869) |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 21.537.305 | (36.203.869) |

6. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (2.182.027.569) | (658.157.815) |
| Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (2.182.027.569) | (658.157.815) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.262.818 | 3.262.818 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (669) | (202) |

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.235.311.943 | 1.968.714.831 |
| Chi phí nhân công | 1.681.667.599 | 3.114.510.784 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 882.848.752 | 1.139.587.289 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.830.867.385 | 3.985.715.974 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.278.143.231 | 1.647.791.264 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 648.791.501 | 648.791.501 |
| Cộng | 7.557.630.411 | 12.505.111.643 |

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn nắm giữ
trên 20% quyền kiểm soát
Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Ông Đào Văn Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc | 75.968.000 | 76.868.000 |
| Ông Đoàn Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 77.124.000 | 78.024.000 |
| Ông Hồ Văn Tuấn - Thành viên HĐQT | 41.138.000 | - |
| Ông Cao Văn Cẩn - Trưởng Ban kiểm soát | 69.576.000 | 69.498.000 |
| Cộng | 263.806.000 | 224.390.000 |

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực kinh doanh khai thác, chế biến khoáng sản. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét.

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 09 năm 2023

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc